

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SI MA CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Chín

2. Ông Lý Sín Phong.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019.

1. Nguyên đơn: Chị Giàng Thị S, năm sinh 1980

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn C, xã C, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Là Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ đơn vị công tác: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Seo P, năm sinh 1977

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Giàng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P về chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 7 năm 1994 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình, anh P thường đi uống rượu, về thì chửi bới có lúc đánh

đập và đuổi chị ra khỏi nhà, gia đình đã góp ý với anh P, anh P hứa sửa chữa và viết bản cam đoan nhưng chỉ được một thời gian ngắn, anh P vẫn không thay đổi. Gần đây nhất đêm 29/3/2019 khi đi uống rượu về anh P đập cửa vào nhà và cầm con dao chém vào đầu chị, may mà có chiếc chăn bông nên chị chỉ bị xây xát ở đầu, trong thời gian qua chị phải sống trong cảnh lo âu, sợ hãi, không yên tâm làm ăn. Hiện chị và anh P đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019, đến tháng 7 năm 2019 chị đã chuyển ra ngoài ở, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm và quan hệ gì với nhau nữa. Nay mâu thuẫn của chị và anh P rất trầm trọng, không thể sống chung cùng nhau được, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Seo P.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị S và anh P có hai con chung: Cháu Hoàng Seo B, sinh ngày 01/01/1999, cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/02/2003, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện cháu B đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu T hiện nay đang ở cùng anh P. Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị S làm nghề tự do, công việc chính là may và bán váy áo người nông, đi chợ và trồng ngô, thu nhập một tháng của chị khoảng 4.000.000 đồng. Để ổn định cho việc sinh hoạt và học tập của cháu T, tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, chị S và anh P đã thỏa thuận anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; sổ hộ khẩu anh P, chị S; giấy khai sinh cháu B, cháu T; đơn xin xác nhận; bản cam đoan; giấy chứng minh nhân dân chị S.

2. Đề nghị của bị đơn: Anh Hoàng Seo P nhất trí với chị Giàng Thị S trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị S. Nguyên nhân là do chị S thường xuyên vắng nhà, đi đâu, làm gì cũng không nói với anh, có lúc vắng nhà mấy ngày cũng không nói gì, anh hỏi thì chị S nói là đi mua và bán hàng, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, có lúc còn xảy ra đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7 năm 2019 chị S đã chuyển ra ngoài ở. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không có gì lớn, có thể khắc phục được nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dưỡng con.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh P và chị S có hai con chung: Cháu Hoàng Seo B, sinh ngày 01/01/1999, cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/02/2003. Hiện cháu B đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh P không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu T hiện nay đang ở cùng anh P tại nhà riêng của anh chị, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu chị S cứ kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh làm nghề tự do, công việc chính là làm thợ xây, thu nhập một tháng khoảng 3.000.000 đồng. Đề nghị cho việc sinh hoạt và học tập của cháu T, tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn anh P và chị S đã thỏa thuận, anh P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến, quan điểm và đề nghị:

- Về tình cảm: Mẫu thuẫn giữa chị S và anh P ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị S và anh P không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P. Anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/02/2003 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 điều 81; khoản 1,3 điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P là vợ chồng.

- Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P: Anh Hoàng Seo P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo qui định Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ kiện này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị S và anh P, nên việc yêu cầu xin ly hôn của chị S và việc đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ của anh P là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị S và anh P là vợ chồng.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị S và anh P có hai con chung: Cháu Hoàng Seo B, sinh ngày 01/01/1999, cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/02/2003, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện cháu B đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng, còn cháu T hiện nay đang ở cùng anh P tại nhà riêng của anh chị, cháu T có ý kiến xin được ở với anh P để ổn định cho việc sinh hoạt và học tập của cháu. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, anh P và chị S đã thỏa thuận: Anh P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tại phiên tòa hôm nay anh chị vẫn giữ nguyên ý kiến như đã thỏa thuận tại phiên hòa giải.

Xác minh tại địa phương thì anh P và chị S đều làm nghề tự do, công việc chính của chị S là may và bán váy áo người nông, đi chợ và trồng ngô, anh P làm thợ xây, thu nhập cùng loại như vậy tại địa phương khoảng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng một tháng, anh chị đều có điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung nên việc thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom

con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P, chị S không yêu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh P và chị S.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị S phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Giàng Thị S và anh Hoàng Seo P là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: Anh Hoàng Seo P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 18/02/2003 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Giàng Thị S phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003772 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Chị S đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- Người bảo vệ Q&LIHP của ND;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Si Ma Cai (2);
- CCTHADS huyện Si Ma Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Thị Thu Hương